

**BỘ THÔNG TIN VÀ  
TRUYỀN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2011/TT-BTTTT

*Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2011*

## **THÔNG TƯ**

### **Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ đối với hàng hóa thuộc diện quản lý ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông**

Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Luật Bru chính số 49/2010/QH12 ngày 28 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế cấp phép nhập khẩu hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông,

## **QUY ĐỊNH:**

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này công bố danh mục mặt hàng cụ thể theo mã số HS, quy định điều kiện và thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Thông tư này áp dụng với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa được quy định tại Điều 2 của Thông tư này (sau đây gọi là người nhập khẩu).

### **Điều 2. Hàng hóa cần giấy phép nhập khẩu**

1. Tem bưu chính, ấn phẩm tem và các mặt hàng tem bưu chính (sau đây gọi là tem bưu chính) được quy định chi tiết tại Phụ lục I của Thông tư này và không thuộc danh mục các loại tem bưu chính quy định tại Điều 6 của Thông tư này;

2. Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện có băng tần số nằm trong khoảng từ 9 KHz đến 400 GHz, có công suất từ 60 mW trở lên được quy định tại Phụ lục II của Thông tư này;

3. Thiết bị ra đa, thiết bị trợ giúp bằng sóng vô tuyến điện và thiết bị điều khiển từ xa bằng sóng vô tuyến điện được quy định tại Phụ lục II của Thông tư này;

Hàng hóa quy định tại khoản 2 và 3 của Điều này (sau đây được gọi chung là thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện) là thiết bị hoàn chỉnh, không áp dụng đối với các linh kiện hoặc phụ kiện của các hàng hóa này và không bao gồm thiết bị chỉ thu sóng vô tuyến điện.

Việc tạm nhập tái xuất các hàng hóa nêu trên để sử dụng tại Việt Nam thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công thương sau khi có thỏa thuận với Bộ Thông tin và Truyền thông; Việc tạm nhập tái xuất theo diện quá cảnh, chuyên khẩu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công thương.

Các hàng hóa khác thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông không thuộc diện cấm nhập khẩu và không thuộc danh mục quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II của Thông tư này được nhập khẩu không cần giấy phép của Bộ Thông tin và Truyền thông, nhưng phải thực hiện quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy định hiện hành.

Hàng hóa thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông được xuất khẩu không cần giấy phép xuất khẩu. Khuyến khích xuất khẩu hàng hóa bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin được sản xuất, lắp ráp trong nước.

### **Điều 3. Các trường hợp được miễn giấy phép nhập khẩu**

Hàng hóa được quy định tại Điều 2 của Thông tư này nhưng được miễn giấy phép nhập khẩu của Bộ Thông tin và Truyền thông trong các trường hợp sau:

1. Hàng hóa phục vụ an ninh, quốc phòng: thực hiện theo quy định tại khoản 6, điều 10, Nghị định số 12/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Tem bưu chính của các nước thành viên Liên minh Bưu chính Thế giới nhập khẩu theo quy định của Công ước Liên minh Bưu chính Thế giới; Tổng số các chủng loại tem bưu chính cho một lần nhập khẩu có số lượng dưới 500 con và

không thuộc danh mục các loại tem bưu chính quy định tại Điều 6 của Thông tư này; Tem bưu chính Việt Nam in tại nước ngoài theo quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Các thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế tại Việt Nam, đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài đến thăm Việt Nam được hưởng quy chế ưu đãi, miễn trừ ngoại giao; các phóng viên nước ngoài vào hoạt động báo chí ngắn hạn ở Việt Nam (có giấy phép hoạt động báo chí của Bộ Ngoại giao).

Hàng hóa quy định tại Khoản 3 này được miễn Giấy phép nhập khẩu nhưng khi sử dụng phải được Cục Tần số vô tuyến điện cấp Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định hiện hành.

4. Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện nhập khẩu hoặc tạm nhập, tái xuất để làm mẫu đo kiểm phục vụ chứng nhận hợp quy với số lượng mẫu theo yêu cầu của phép đo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

#### **Điều 4. Hiệu lực của giấy phép nhập khẩu**

1. Giấy phép nhập khẩu tem bưu chính có giá trị thực hiện một lần trong thời hạn không quá 01 năm kể từ ngày ký và không được gia hạn.

2. Giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến được sử dụng một hoặc nhiều lần để nhập khẩu lô hàng được xác định trên Giấy phép có hiệu lực cho đến lúc lô hàng đó được thông quan hoàn toàn, không vượt qua số lượng ghi trong giấy phép và trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận hợp quy.

Giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện không có giá trị để thay thế Giấy phép thiết lập mạng viễn thông, Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

#### **Điều 5. Lệ phí cấp, cấp lại giấy phép nhập khẩu**

Người nhập khẩu phải nộp lệ phí cấp hoặc cấp lại giấy phép nhập khẩu theo quy định của Bộ Tài chính.

## **Chương II**

### **THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU**

#### **Mục 1**

#### **ĐỐI VỚI TEM BƯU CHÍNH**

#### **Điều 6. Điều kiện nhập khẩu**

Tem bưu chính được nhập khẩu phải đáp ứng điều kiện không thuộc những loại tem sau đây:

1. Tem bưu chính giả;
2. Tem bưu chính có nội dung, hình ảnh, ký hiệu, dấu hiệu gây kích động, thù hằn giữa các dân tộc, sắc tộc, tôn giáo; chống phá Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; không phù hợp với đạo đức xã hội, với thuần phong mỹ tục của Việt Nam;
3. Tem bưu chính Việt Nam đã có quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
4. Tem bưu chính nước ngoài có nội dung và nguồn gốc xuất xứ không phù hợp theo thông báo của cơ quan bưu chính các nước thành viên Liên minh Bưu chính Thế giới và các hiệp hội sưu tập tem.

### **Điều 7. Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu**

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu được lập thành một (01) bộ là bản gốc gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu theo Mẫu 01 thuộc Phụ lục III của Thông tư này;
- b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư tại Việt Nam của tổ chức đề nghị nhập khẩu do tổ chức tự đóng dấu xác nhận hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của cá nhân đề nghị nhập khẩu;

c) Tem bưu chính mẫu hoặc bản sao tem bưu chính đề nghị nhập khẩu;

2. Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu có thể gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép nhập khẩu:

Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Bưu chính)

Số 18 Nguyễn Du, Hà Nội

Điện thoại: 0438226625

Fax 04 38226954

3. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu tem bưu chính:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu tem bưu chính nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Bộ Thông tin và Truyền thông và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ;

b) Kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, việc cấp giấy phép nhập khẩu tem bưu chính được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc;

c) Bộ Thông tin và Truyền thông gửi giấy biên nhận hồ sơ đến địa chỉ thư điện tử (e-mail) của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu tem bưu chính trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

d) Trường hợp hồ sơ cấp giấy phép nhập khẩu tem bưu chính chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông gửi thông báo yêu cầu những nội dung cần bổ sung, sửa đổi. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu; Trường hợp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu, Bộ Thông tin và Truyền thông ra thông báo từ chối cấp giấy phép nhập khẩu tem bưu chính trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo.

đ) Trường hợp từ chối cấp giấy phép nhập khẩu tem bưu chính, trong thời hạn quy định tại điểm b khoản 2 Điều này Bộ Thông tin và Truyền thông phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **Điều 8. Cấp lại giấy phép nhập khẩu**

1. Người nhập khẩu phải đề nghị cấp lại giấy phép nhập khẩu trong các trường hợp làm mất, hỏng giấy phép hoặc có thay đổi về nội dung ghi trên giấy phép.

2. Thủ tục cấp lại giấy phép nhập khẩu:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép nhập khẩu theo Mẫu 03 thuộc Phụ lục III của Thông tư này kèm bản sao tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi nội dung ghi trên giấy phép (nếu có).

b) Địa chỉ tiếp nhận đơn đề nghị quy định tại khoản 2, Điều 7 của Thông tư này.

c) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan cấp Giấy phép nhập khẩu nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp giấy phép cấp bản sao (đối với trường hợp mất, hỏng giấy phép) hoặc cấp lại giấy phép nhập khẩu (đối với trường hợp thay đổi nội dung ghi trên giấy phép) cho người nhập khẩu.

## **Mục 2**

### **ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT, THU - PHÁT SÓNG VÔ TUYẾN ĐIỆN**

#### **Điều 9. Điều kiện nhập khẩu**

Các thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện được nhập khẩu phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Phù hợp với công nghệ, mạng lưới viễn thông Việt Nam và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng phát xạ, an toàn bức xạ, an toàn tương thích điện

từ trường của thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc công bố bắt buộc áp dụng; phù hợp với vị trí lắp đặt thiết bị và các quy định về quản lý viễn thông;

2. Phù hợp với Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện Quốc gia được quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các quy định về quy hoạch tần số vô tuyến điện liên quan.

Những thiết bị không đáp ứng các yêu cầu trên, được nhập khẩu phục vụ cho các mục đích đặc biệt thì thực hiện theo hướng dẫn đối với từng trường hợp cụ thể của Bộ Thông tin và Truyền thông.

### **Điều 10. Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu**

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu được lập thành một (01) bộ là bản gốc gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu theo Mẫu 04 thuộc Phụ lục III;

b) Bản sao có chứng thực (đối với trường hợp gửi qua đường bưu chính) hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu (đối với trường hợp nộp trực tiếp) giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc Quyết định/giấy phép thành lập, hoặc giấy chứng nhận đầu tư/giấy phép đầu tư, hoặc chứng minh nhân dân/hộ chiếu,...) ;

c) Bản sao giấy chứng nhận hợp quy; Tài liệu kỹ thuật của thiết bị;

d) Bản sao chứng thực sao y bản chính của người nhập khẩu hợp đồng hoặc chứng từ, vận đơn thể hiện tên, ký hiệu, số lượng hàng hóa nhập khẩu.

2. Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu có thể gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại:

Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông Tòa nhà ICTQC;  
Phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 04 37820990 - Fax: 04 37820998

3. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu:

Ngay khi tiếp nhận hồ sơ tại cơ quan cấp giấy phép hoặc trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép nhận được hồ sơ qua đường bưu chính, Cơ quan cấp giấy phép nhập khẩu kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và cấp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi giấy biên nhận nộp hồ sơ đến địa chỉ thư điện tử (e-mail) của người nhập khẩu và thông báo yêu cầu bổ sung, sửa đổi hồ

sơ (đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều này). Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung, sửa đổi hồ sơ, nếu người nhập khẩu không thực hiện yêu cầu bổ sung, sửa đổi thì cơ quan cấp giấy phép ra thông báo từ chối cấp giấy phép.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi cơ quan cấp giấy phép nhập khẩu nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép nhập khẩu sẽ cấp giấy phép nhập khẩu theo Mẫu 05 Phụ lục III hoặc từ chối chấp giấy phép. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, cơ quan cấp giấy phép nhập khẩu thông báo bằng văn bản cho người nhập khẩu, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

### **Điều 11. Cấp lại giấy phép nhập khẩu**

1. Người nhập khẩu đề nghị cấp lại giấy phép nhập khẩu trong các trường hợp sau:

- a) Giấy phép bị mất, hỏng;
- b) Giấy phép hết hạn (liên quan đến thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận hợp quy);
- c) Có thay đổi về giấy chứng nhận hợp quy (tên, ký hiệu, tần số công tác của hàng hóa);
- d) Có thay đổi về nội dung ghi trên giấy phép liên quan đến số lượng và mục đích nhập khẩu.

2. Thủ tục cấp lại giấy phép nhập khẩu:

- a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép nhập khẩu theo Mẫu 06 thuộc Phụ lục III của Thông tư này kèm bản sao tài liệu liên quan đến thay đổi nội dung ghi trên giấy phép.
- b) Địa chỉ tiếp nhận đơn đề nghị quy định tại khoản 2, Điều 10 của Thông tư này.
- c) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép nhập khẩu nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp giấy phép cấp bản sao (đối với trường hợp a) hoặc cấp lại giấy phép nhập khẩu (đối với các trường hợp b, c, d) cho người nhập khẩu.

## **Chương III**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 12. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 và thay thế Thông tư số 02/2006/TT-BBCVT ngày 24/4/2006 của Bộ Bưu chính, Viễn thông Hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế

và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài đối với hàng hóa thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Bưu chính, Viễn thông.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Bưu chính, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để kịp thời giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thành Hưng**

**Phụ lục I****DANH MỤC TEM BƯU CHÍNH CẦN GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BTTTT ngày 07/6/2011  
của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

<b>Chương</b>	<b>Nhóm</b>	<b>Phân nhóm</b>		<b>Mô tả</b>
Chương 49	4907	00	20	Tem bưu chính Việt Nam (gồm cả tem khối - souvenir sheet, miniature sheet, block) mới phát hành, chưa sử dụng
	4907	00	90	Thư nhẹ máy bay (Aerogramme), phong bì, bưu ảnh có in tem bưu chính Việt Nam (pre-stamped envelope, postcard) mới phát hành, chưa sử dụng
Chương 97	9704	00	10	Tem bưu chính các loại (gồm cả tem khối - souvenir sheet, miniature sheet, block) đã sử dụng hoặc chưa sử dụng trừ các loại tem bưu chính thuộc nhóm 4907.
	9704	00	90	Phong bì ngày phát hành đầu tiên (first-day cover), Bưu ảnh có dán tem bưu chính được đóng nhật ấn hoặc dấu ngày phát hành đầu tiên (maximum cards), Tài liệu có minh họa bằng tem (sách tem, truyện tem) Vật phẩm có sử dụng tem bưu chính (chặn giấy, dây đeo chìa khóa ... ) Tờ kỷ niệm (Commemorative sheet)

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THIẾT BỊ PHÁT, THU - PHÁT SÓNG VÔ TUYẾN ĐIỆN**  
**CẦN GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BTTTT ngày 07/6/2011  
của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

				<b>Đối tượng sản phẩm</b>
<b>Mã hàng</b>				<b>Mô tả hàng hóa</b>
<b>Chương</b>	<b>Nhóm</b>	<b>Phân nhóm</b>		<b>Mô tả</b>
<b>Chương 85</b>				<b>1. Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện có băng tần số nằm trong khoảng từ 9 kHz đến 400 GHz, có công suất từ 60mW trở lên</b>
				<b>1.1. Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện cố định hoặc lưu động mặt đất</b>
	8517	61	00 00	- Thiết bị trạm gốc (GSM, CDMA, W-CDMA FDD, DECT, PHS, hệ thống băng rộng).
	8517	12	00 00	- Điện thoại di động
	8517	12	00 00	- Thiết bị điện thoại vô tuyến MF, HF, VHF, UHF dùng cho nghiệp vụ thông tin vô tuyến cố định hoặc lưu động mặt đất.
	8517	62	61 00	- Loại khác
	8517	62	69 -	- Loại khác
	8517	62	90 -	- Loại khác
	8517	69	- -	- Loại khác
				- Thiết bị thu phát vô tuyến điểm - điểm, điểm - đa điểm, thiết bị thu phát vô tuyến sử dụng kỹ thuật điều chế trải phổ (trừ thiết bị trạm gốc), thiết bị thu phát vô tuyến Wimax:
	8517	62	21 00	+ Router, Bridge, modem;
	8517	62	51 00	+ Thiết bị mạng nội bộ không dây;
	8517	69	90 00	+ Máy quét (Scanner), máy tính xách tay, máy tính lắp trên các phương tiện giao thông.
				<b>1.2. Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho truyền hình quảng bá</b>

					<b>Đối tượng sản phẩm</b>
<b>Mã hàng</b>					<b>Mô tả hàng hóa</b>
<b>Chương</b>	<b>Nhóm</b>	<b>Phân nhóm</b>			<b>Mô tả</b>
	8525	50	00	00	- Thiết bị phát
	8525	60	00	00	- Thiết bị phát có gắn với thiết bị thu
					<b>1.3. Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho phát thanh quảng bá</b>
	8525	50	00	00	- Thiết bị phát
	8525	60	00	00	- Thiết bị phát có gắn với thiết bị thu
	<b>8517</b>	<b>69</b>	<b>90</b>	<b>00</b>	<b>1.4. Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho phát chuẩn (tần số, thời gian)</b>
	8526	10	90	00	<b>1.5. Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho định vị và đo đạc từ xa (trừ thiết bị dùng ngoài khơi cho ngành dầu khí)</b>
					<b>1.6. Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho thông tin vệ tinh (trừ các thiết bị lưu động dùng trong hàng hải và hàng không)</b>
	8517	18	00	00	- Thiết bị đầu cuối người sử dụng
	8517	69	90	00	- Thiết bị khuếch đại sóng vô tuyến điện trong trạm vệ tinh
	8517	61	00	00	- Trạm thu phát vệ tinh
					<b>1.7. Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho nghiệp vụ lưu động Hàng hải (kể cả các thiết bị trợ giúp, thiết bị vệ tinh)</b>
	8526	91	10	00	- Phao vô tuyến chỉ vị trí khẩn cấp hàng hải
	8526	10	10	00	- Radar hàng hải, bộ phát đáp radar tìm kiếm và cứu nạn
	8517	12	20	00	- Thiết bị thu phát vô tuyến hàng hải, thiết bị điện thoại vô tuyến MF, HF, UHF, VHF dùng cho nghiệp vụ lưu động hàng hải
	8517	18	00	00	- Thiết bị đầu cuối vệ tinh dùng cho nghiệp vụ hàng hải
	8526	10			<b>1.8. Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho nghiệp vụ lưu động Hàng không (kể cả các thiết bị trợ giúp, thiết bị vệ tinh)</b>

					<b>Đối tượng sản phẩm</b>
<b>Mã hàng</b>					<b>Mô tả hàng hóa</b>
<b>Chương</b>	<b>Nhóm</b>	<b>Phân nhóm</b>			<b>Mô tả</b>
	8517	12	20	00	- Thiết bị điện thoại vô tuyến MF, HF, UHF, VHF dùng cho nghiệp vụ lưu động hàng không
					- Thiết bị trợ giúp dẫn đường, và hạ cánh
	8526	91	10	00	+ Loại dùng trên máy bay dân dụng
	8526	91	90	00	+ Loại khác
	8517	62	90	00	- Thiết bị truyền dữ liệu
	8526	10	90	00	- Thiết bị radar khác (dò tìm cho phòng không.)
	8526	92	00	00	- Dụng cụ thu phát điều khiển từ xa máy bay không người lái, mô hình máy bay, ...
<b>Chương 85</b>	<b>8526</b>				<b>2. Thiết bị trợ giúp bằng sóng vô tuyến (Radar, thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến và các thiết bị điều khiển từ xa bằng vô tuyến)</b>
	8526	10			<b>2.1. Thiết bị Radar</b>
	8526	10	10	00	- Radar loại dùng trên mặt đất, hoặc trang bị trên máy bay dân dụng, hoặc chỉ dùng trên tàu thuyền đi biển
	8526	10	90	00	- Loại khác
	8526	91			<b>2.2. Thiết bị vô tuyến dẫn đường</b>
	85256	91	10	00	- Thiết bị vô tuyến dẫn đường, loại dùng trên máy bay dân dụng, hoặc chuyên dụng cho tàu thuyền đi biển
	8526	91	90	00	- Loại khác
	8526	92	00	00	<b>2.3. Thiết bị cảnh báo, điều khiển xa bằng sóng vô tuyến điện</b>
	8526	10	90	00	<b>2.4. Thiết bị nhận dạng bằng sóng vô tuyến điện</b>
	8517	69	90	00	<b>3. Thiết bị vi ba</b>

**Phụ lục III**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU,**  
**MẪU GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BTTTT ngày 07/6/2011*  
*của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

**Mẫu 01 - Phụ lục III**

(Tên người nhập khẩu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

..., ngày... tháng.... năm 201....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU**  
**TEM BƯU CHÍNH**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail :.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... Nơi cấp:.....

Mã số XNK:..... Nơi cấp:.....

Đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu các loại tem bưu chính sau đây:

Stt	Tên mặt hàng	Xuất xứ	Số lượng

Hình thức nhập khẩu:....

Mục đích nhập khẩu:.....

Thời gian dự kiến nhập khẩu: .....

Hồ sơ kèm theo: .....

Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên và cam kết tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý tem bưu chính.

**NGƯỜI NHẬP KHẨU**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Mẫu 02 - Phụ lục III***(Cơ quan cấp giấy phép)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY PHÉP  
NHẬP KHẨU TEM BƯU CHÍNH**  
*(Có giá trị đến hết ngày .../.../201...)***BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Căn cứ Luật Bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định.../.../ND-CP ngày ... tháng .... năm 20.. của Chính phủ....;

Căn cứ.....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu tem bưu chính của *(Tên tổ chức, cá nhân)*;

Theo đề nghị của .....,

**NAY CHO PHÉP:****Điều 1:** Cấp phép để tổ chức/cá nhân:*(Tên tổ chức, cá nhân)**(Tên giao dịch)**(Tên viết tắt)**(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số:..... ngày.... tháng.... năm.... do..... cấp).**(Mã số xuất nhập khẩu)**(Trụ sở chính)*

Nhập khẩu vào Việt Nam các loại tem bưu chính sau đây:

Stt	Tên mặt hàng	Xuất xứ	Số lượng

Mục đích nhập khẩu:.....

**Điều 2:** Giấy phép này chỉ được sử dụng một lần, không được gia hạn và có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày..... .**Điều 3:** Giấy phép này được lập thành 03 bản gốc; 01 bản cấp cho *(Tên tổ chức, cá nhân)*; 01 bản lưu tại *(Cơ quan cấp phép)*; 01 bản gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan.**TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ BƯU CHÍNH**

**Mẫu 03 - Phụ lục III**

(Tên người nhập khẩu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày... tháng... năm 201....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI  
GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU  
TEM BƯU CHÍNH**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Người nhập khẩu:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... Nơi cấp:.....

Mã số XNK:..... Nơi cấp:.....

Giấy phép nhập khẩu đã được cấp: số ..... ngày ....

Lý do đề nghị cấp lại Giấy phép: .....

Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên và cam kết tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý tem bưu chính.

**NGƯỜI NHẬP KHẨU**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Mẫu 04 - Phụ lục III**

(Tên người nhập khẩu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

..., ngày... tháng... năm 201...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU**  
**THIẾT BỊ PHÁT, THU - PHÁT SÓNG VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Kính gửi: Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông

1. Người nhập khẩu: .....
- Thuộc (Cơ quan chủ quản ):.....
2. Địa chỉ:.....
- Điện thoại: ..... Fax:..... E-mail:.....
3. Hàng hóa nhập khẩu đề nghị cấp phép:
  - Tên hàng hóa: .....
  - Ký hiệu: .....
  - Số lượng: .....
  - Công suất: .....
  - Bảng tần hoặc tần số làm việc: .....
  - (Nếu sản phẩm nhiều loại có thể lập danh mục kèm theo đơn)
4. Hình thức nhập khẩu: .....
5. Mục đích nhập khẩu: .....
6. Địa điểm nhập khẩu: .....
7. Hồ sơ kèm theo:
  - .....
  - .....

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Nhà nước và của Bộ Thông tin và Truyền thông về nhập khẩu sản phẩm viễn thông.

**NGƯỜI NHẬP KHẨU**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Mẫu 05 - Phụ lục III**

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG  
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
VÀ TRUYỀN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPNK-QLCL

Hà Nội, ngày... tháng..... năm 201.....

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU**  
**THIẾT BỊ PHÁT, THU - PHÁT SÓNG VÔ TUYẾN ĐIỆN**  
(*Có giá trị đến hết ngày .../.../201...*)

**CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**  
**CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

- Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Căn cứ Thông tư số /2011/TT-BTTTT ngày / /2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết thi hành Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ đối với hàng hóa chuyên ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin;

- Xét Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu số ... ngày ..... của (người nhập khẩu), kèm theo:

- Hợp đồng số....
- Giấy chứng nhận hợp quy số ...

**NAY CHO PHÉP**

**Người nhập khẩu:**

Trụ sở/địa chỉ tại:

được phép nhập khẩu hàng hóa sau:

1. (Tên hàng hóa):

- Ký hiệu: - Hãng sản xuất:
- Số lượng: - Tần số hoạt động:

2. Mục đích nhập khẩu....

**CỤC TRƯỞNG**

**Mẫu 06 - Phụ lục III**

(Tên người nhập khẩu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm 201...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU  
THIẾT BỊ PHÁT, THU - PHÁT SÓNG VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Kính gửi: Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông

1. Người nhập khẩu: .....
- Thuộc (Cơ quan chủ quản ):.....
2. Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....
3. Giấy phép nhập khẩu đã được cấp: số ..... ngày .....
4. Lý do đề nghị cấp lại Giấy phép: .....
5. Hồ sơ kèm theo: .....

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Nhà nước và của Bộ Thông tin và Truyền thông về nhập khẩu sản phẩm viễn thông.

**NGƯỜI NHẬP KHẨU**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)